

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NA HANG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 22/8/2024

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Giang.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông: Nguyễn Đức Nhâm.

2. Ông: Châu Văn Khỏe.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Không Thị Thụy - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, xét xử công khai vụ án thụ lý số: **34/2024/TLST-HNGĐ**, ngày 14 tháng 5 năm 2024, về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **18/2024/QĐXXST-HNGĐ**, ngày 06 tháng 8 năm 2024.

1. **Nguyên đơn:** Chị Bàn Thị D, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

2. **Bị đơn:** Anh Bàn Văn S, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ngân hàng N (tên viết tắt A); Địa chỉ trụ sở chính: số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Cao Minh T - Chức vụ: Giám đốc, A chi nhánh N1.

Người được ủy quyền lại: ông Vương Văn T1 - Trưởng phòng tổng hợp, A chi nhánh N1. Theo Giấy ủy quyền số 419/GUQ-NHNo.NH - KH ngày 05/6/2024. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. .

Địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt chị Bàn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bàn Văn S được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào ngày 03/01/2011, đến ngày 04/5/2015 mới đến Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Y, huyện N đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Kể từ khi cưới hỏi vợ chồng chị cư trú tại thôn N, xã Y, huyện N. Chị và anh S sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn có đánh chửi nhau mấy lần do anh S chơi cờ bạc qua mạng phá tán hết tài sản mà anh, chị đi làm tích cóp được. Việc vợ chồng chị mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không đạt kết quả gì. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh, chị không còn quan tâm, chăm sóc tới nhau nữa, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bàn Văn S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung tên các cháu là Bàn Long Gia B, sinh ngày: 06/6/2012 và Bàn Đức V, sinh ngày: 05/3/2015, kể từ tháng 7/2024 cho đến nay chị đã đón cháu V về ở cùng chị, còn cháu B đang ở cùng bà nội ở thôn N, xã Y. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu V cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu B giao cho anh S nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định để vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị xác định vợ chồng chị có vay của A chi nhánh N1 số tiền nợ gốc là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 07/10/2023 cho đến nay. Khi ly hôn chị nhất trí với ý kiến của anh S, mỗi người có nghĩa vụ trả  $\frac{1}{2}$  số nợ gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh cho Ngân hàng khi đến hạn thanh toán theo hợp đồng tín dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2024 của anh Bàn Văn S đã trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S xác định anh và chị D được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2011 đến năm 2015 anh, chị mới đến UBND xã Y, huyện N, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Năm 2022 chị D bỏ về nhà ngoại ở thôn N, xã Đ, huyện N, cư trú từ đó cho đến nay, nguyên nhân do anh, chị mâu thuẫn cãi chửi nhau suốt. Anh S xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Việc chị D xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh có 02 con chung tên các cháu là Bàn Long Gia B, sinh ngày: 06/6/2012 và Bàn Đức V, sinh ngày: 05/3/2015, hiện các cháu đang ở với anh. Khi ly hôn anh không nhất trí giao các con cho chị D được nuôi dưỡng và cũng không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh xác định vợ chồng anh có vay của A chi nhánh N1 số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) thời gian vay khoảng năm 2020 hoặc 2021 mục đích vay tiền về mua trâu, hiện nay trâu đã bị dịch chết hết. Chị D đã trả được 10.000.000đ (mười triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi, tính đến thời điểm hiện tại vợ chồng anh còn nợ A chi nhánh N1 số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) nợ gốc và lãi phát sinh, Anh nhất trí sẽ trả cho A chi nhánh N1  $\frac{1}{2}$  số tiền nợ gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của A1 chi nhánh N1 trình bày:

Chị Bàn Thị D và anh Bàn Văn S hiện nay còn nợ A chi nhánh N1 số tiền nợ gốc là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và lãi phát sinh tính đến ngày 22/8/2024 là 861.110đ (tám trăm sáu mươi một nghìn một trăm mười đồng). Khi Tòa án giải quyết cho chị D và anh S ly hôn, A chi nhánh N1 nhất trí với thỏa thuận của anh S, chị D mỗi người có nghĩa vụ trả cho A chi nhánh N1 số tiền nợ gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh khi đến hạn thanh toán theo hợp đồng tín dụng.

Quá trình giải quyết Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, xác minh tại thôn N, xã Y, huyện N, cũng như tiến hành lấy lời khai của những người liên quan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử (HĐXX) vào nghị án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của BLTTDS; Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật

Hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GD); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị D.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bàn Thị D được ly hôn anh Bàn Văn S.

Về con chung: Giao cháu Bàn Đức V cho chị Bàn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bàn L Gia Bảo cho anh Bàn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con các bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở..

Về tài sản chung: Do các đương sự không đề nghị giải quyết do vậy không xem xét.

Về vay nợ chung: Buộc chị D và anh S mỗi người có nghĩa vụ trả cho A chi nhánh N1 số tiền nợ gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh khi đến hạn thanh toán theo hợp đồng tín dụng.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bàn Văn S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Y, huyện N. Việc Tòa án nhân dân huyện Na Hang, thụ lý vụ án trên là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của BLTTDS. Quá trình giải quyết Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Bàn Văn S. Chị D, anh S và đại diện theo ủy quyền của A chi nhánh N1 có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ vào các Điều 227, 228 và Điều 238 của BLTTDS, Tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị D và anh Bàn Văn S đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, các đương sự đều xác định có thời gian sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Việc các đương sự trình bày phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được. Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật HN&GD, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bàn Thị D.

[3] Về con chung: Các đương sự đều xác định có 02 con chung tên là Bàn Long Gia B, sinh ngày: 06/6/2012 và Bàn Đức V, sinh ngày: 05/3/2015.

[3.1] Chị Bàn Thị D có nguyện vọng khi vợ chồng ly hôn xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Đức V còn cháu Bàn L Gia B giao cho anh Bàn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.2] Ý kiến của anh Bàn Văn S khi vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu B, V, anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] HĐXX xét thấy chị D và anh S đều có đầy đủ các điều kiện và khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh S thường xuyên đi làm xa nhà khoảng 03 đến 04 tháng mới về nhà một lần, nếu giao cả hai cháu B và V cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng thì không phù hợp với nguyện vọng của các đương sự cũng như nguyện vọng của các con. Bởi vì thực tế các cháu B, V đều do mẹ đẻ anh S là bà Bàn Thị S1 trực tiếp nuôi dưỡng khi anh S đi làm xa nhà, bà S1 thường xuyên ốm đau nên sẽ không đảm bảo việc chăm sóc đầy đủ, toàn diện cho các cháu. Do vậy cần giao cho mỗi đương sự được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con là thỏa đáng, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của các đương sự.

[4] Về tài sản chung: Do các đương sự không đề nghị giải quyết, do đó không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về vay nợ chung: Các đương sự xác định còn vay nợ của A chi nhánh N1 số tiền nợ gốc là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh, ý kiến chị D, anh S mỗi người có nghĩa vụ trả cho A chi nhánh N1  $\frac{1}{2}$  số nợ gốc và lãi phát sinh khi đến hạn thanh toán theo hợp đồng tín dụng.

[5.1] Sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải có mặt chị D và đại diện A, anh S vắng mặt, các đương sự có mặt đã thống nhất thỏa thuận việc chị D, anh S mỗi người có nghĩa vụ trả  $\frac{1}{2}$  số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho A chi nhánh N1 khi đến hạn thanh toán theo hợp đồng.

[5.2] Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Bàn Văn S, tuy nhiên anh S đã không có ý kiến trả lời đối với thông báo trên của Tòa án. HĐXX thấy rằng việc thỏa thuận giữa đại diện A chi nhánh N1 và chị D tại phiên hòa giải không có giá trị theo quy định tại Điều 212 của BLTTDS.

[5.3] HĐXX xét thấy việc chị D là người đứng tên vay tiền của A, để sử dụng vào mục đích chung của gia đình, do đó cần buộc chị D và anh S mỗi người có nghĩa vụ trả  $\frac{1}{2}$  nợ gốc và lãi phát sinh cho A chi nhánh N1 khi đến hạn thanh toán theo hợp đồng tín dụng là phù hợp, có căn cứ.

[6] Về án phí: Chị Bàn Thị D là dân tộc Dao, cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị D đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí, do đó cần xem xét miễn án phí sơ thẩm ly hôn và án phí trả nợ cho chị D.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Nghị quyết **326/2016/UBTVQH** 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị D.**

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bàn Thị D được ly hôn anh Bàn Văn S (Giấy chứng nhận kết hôn số: 22/2015, quyển số 1, ngày 04/5/2015, đăng ký tại UBND xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang).

Về con chung: Giao cháu Bàn Đức V, sinh ngày: 05/3/2015 cho chị Bàn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Bàn Long Gia B, sinh ngày: 06/6/2012 cho anh Bàn Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; chị D, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về vay nợ chung: Buộc chị Bàn Thị D có nghĩa vụ trả cho A chi nhánh N1 số tiền nợ gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 22/8/2024 là 430.555đ (bốn trăm ba mươi nghìn năm trăm năm mươi năm đồng), theo hợp đồng tín dụng số 8105LAV202102659 ngày 21/12/2021.

Buộc anh Bàn Văn S có nghĩa vụ trả cho A chi nhánh N1 số tiền nợ gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 22/8/2024 là 430.555đ (bốn trăm ba mươi nghìn năm trăm năm mươi năm đồng), theo hợp đồng tín dụng số 8105LAV202102659 ngày 21/12/2021.

*Kể từ ngày 23/8/2024 nếu chị Bàn Thị D và anh Bàn Văn S không trả khoản nợ gốc và các khoản lãi nêu trên thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất đã được ghi trong Hợp đồng tín dụng số 8105LAV202102659 ngày 21/12/2021.*

**2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn và án phí nghĩa vụ trả nợ cho chị Bàn Thị D.**

Anh: Bàn Văn S phải chịu án phí nghĩa vụ trả nợ là 1.021.500đ làm tròn số (một triệu không trăm hai mươi một nghìn năm trăm đồng).

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND xã Yên Hoa, huyện Na Hang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Trường Giang**